

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 74/2020/HS-ST

Ngày: 11-9-2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Lê Anh Giàu

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

PHẠM HOÀNG G, sinh năm: 1979 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 280B, khu phố H, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn X (đã mất) và bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1954; Vợ: không có; Có 01 người con sinh năm 2008; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Người chứng kiến:

1. Bà Trần Kim H, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Số 136A, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Văn Hoài N, sinh năm: 1967;

Nơi cư trú: ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/3/2020, Phạm Hoàng G điều khiển xe đạp điện đến khu vực nhà nghỉ số C thuộc phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre tìm người phụ nữ tên B (không rõ lai lịch) đề đòi số tiền 2.000.000 đồng mà trước đó G

cho B mượn nhưng chưa trả. Khi đến khu vực nhà nghỉ số 9, G gặp B nhưng B không có tiền trả nên nói với G “Giờ tôi đưa anh 1 cái để trừ bớt 200.000 đồng trong tổng số tiền thiếu 2.000.000 đồng”, tức là B đưa G 01 tộp ma túy đá trừ 200.000 đồng để G có ma túy sử dụng thì G đồng ý. Nói xong, B lấy 01 túi nylon bên trong chứa ma túy đá để lên gác chân phía trước của xe đạp điện của G rồi G điều khiển xe đạp điện chạy về nhà. Khi G đang điều khiển xe đạp điện đến đoạn thuộc khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an phường P và Cảnh sát hình sự Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện G có hành vi cất giữ túi nylon có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy nên lập biên bản sự việc.

Vật chứng thu giữ:

- Thu trên gác chân phía trước của xe đạp điện mà Phạm Hoàng G điều khiển: 01 túi nylon màu trắng hàn kín 03 phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch ngang màu xanh, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký, ghi họ tên Phạm Hoàng G, Huỳnh Văn Hoài N, Trần Kim H, Trần Duy C, Châu Hồng T và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre).

- 01 xe đạp điện màu trắng đen, hai bên sườn xe có chữ ASAMA.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Seri: 357884042070819, bên trong có gắn sim số 0917037420.

Theo Kết luận giám định số 32/2020/GĐMT ngày 06/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 0,1981 gam.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSTPBT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Hoàng G về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Hoàng G từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong số 32/2020 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Trần Duy C và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số Seri: 357884042070819, bên trong có gắn sim số 0917037420.

Bị cáo Phạm Hoàng G khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Hoàng G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản sự việc, bản ảnh quả tang, tang vật thu giữ, kết luận giám định về chất ma túy và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có đủ cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ 30 ngày 30/3/2020, Phạm Hoàng G điều khiển xe đạp điện đến khu vực nhà nghỉ số C thuộc phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để gặp một người phụ nữ tên B (không rõ lai lịch) để đòi số tiền 2.000.000 đồng mà trước đó G đã cho mượn. Khi gặp nhau, B không có tiền trả cho G nên đưa cho G 01 tép ma túy đá tương đương 200.000 đồng để trừ nợ, số tiền nợ còn lại là 1.800.000 đồng thì G đồng ý nên B lấy 01 tép ma túy đá để lên gác chân xe đạp điện mà G đang điều khiển. Sau khi nhận được ma túy, G điều khiển xe đạp điện trên đường N về nhà, nhưng đến khu vực thuộc khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an kiểm tra thu giữ gói ma túy. Kết quả giám định xác định chất màu trắng bị thu giữ là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1981 gam.

[3] Bị cáo Phạm Hoàng G là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi cất giữ trái phép 0,1981 gam Methamphetamine để sử dụng với lỗi cố ý, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát tệ nạn ma túy. Vì vậy, hành vi của bị cáo Phạm Hoàng G đã phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy cần phải xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển... trái phép chất ma túy theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định là không có tiền án, tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án kết án về các tội “Trộm cắp tài sản công dân, Cướp giật tài sản của công dân và Trộm cắp tài sản”. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị

cáo được hưởng như: bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng.

[8] Về phần xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ tang vật của vụ án, bao gồm: 01 phong bì được niêm phong số 32/2020 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Trần Duy C và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số Seri: 357884042070819, bên trong có gắn sim số 0917037420 và 01 xe đạp điện màu trắng đen, hai bên sườn xe có chữ ASAMA. Xét thấy, chất ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0917037420 là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo. Đối với 01 xe đạp điện màu trắng đen, hai bên sườn xe có chữ ASAMA là tài sản của bà Nguyễn Thị Bé T, bà T không biết việc bị cáo sử dụng xe đạp điện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe đạp điện cho bà T là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Đối với đối tượng tên B hiện không xác định rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Hoàng G phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng G phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Phạm Hoàng G (Tý) 01 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì được niêm phong số 32/2020 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Trần Duy C và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hoàng G: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số Seri: 357884042070819, bên trong có gắn sim số 0917037420.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý)

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Hoàng G phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út